

Lịch Vàng · Lịch âm 2026

Ghi chú ký hiệu

H — ngày hoàng đạo: thần trực nhật thuộc sáu vị thần lành.
h — ngày hắc đạo: thần trực nhật thuộc sáu vị thần dữ. Ngày hắc đạo vẫn có sáu canh giờ hoàng đạo.
Số nhỏ dưới ngày dương lịch là ngày âm lịch; số 1 in đậm là mùng Một, mở đầu một tháng âm lịch.

Tháng 1/2026

Tháng 1/2026 dương lịch có 31 ngày, trải qua tháng 11 âm lịch năm Ất Tỵ và tháng 12 âm lịch năm Ất Tỵ, trong đó 16 ngày là ngày hoàng đạo.

Dương	Thứ	Âm	Can Chi ngày	Trực	H/h
1	T5	13	Ất Hợi	Bế	h
2	T6	14	Bính Tý	Kiến	H
3	T7	15	Đinh Sửu	Trừ	H
4	CN	16	Mậu Dần	Mãn	h
5	T2	17	Kỷ Mão	Mãn	H
6	T3	18	Canh Thìn	Bình	h
7	T4	19	Tân Tỵ	Định	H
8	T5	20	Nhâm Ngọ	Chấp	h
9	T6	21	Quý Mùi	Phá	h
10	T7	22	Giáp Thân	Nguy	H
11	CN	23	Ất Dậu	Thành	h
12	T2	24	Bính Tuất	Thu	H
13	T3	25	Đinh Hợi	Khai	H
14	T4	26	Mậu Tý	Bế	h
15	T5	27	Kỷ Sửu	Kiến	h
16	T6	28	Canh Dần	Trừ	H
17	T7	29	Tân Mão	Mãn	H
18	CN	30	Nhâm Thìn	Bình	h
19	T2	1/12	Quý Tỵ	Định	H
20	T3	2	Giáp Ngọ	Chấp	h
21	T4	3	Ất Mùi	Phá	h
22	T5	4	Bính Thân	Nguy	H
23	T6	5	Đinh Dậu	Thành	h
24	T7	6	Mậu Tuất	Thu	H
25	CN	7	Kỷ Hợi	Khai	H
26	T2	8	Canh Tý	Bế	h
27	T3	9	Tân Sửu	Kiến	h
28	T4	10	Nhâm Dần	Trừ	H
29	T5	11	Quý Mão	Mãn	H
30	T6	12	Giáp Thìn	Bình	h
31	T7	13	Ất Tỵ	Định	H

Tháng 2/2026

Tháng 2/2026 dương lịch có 28 ngày, trải qua tháng 12 âm lịch năm Ất Tỵ và tháng 1 âm lịch năm Bính Ngọ, trong đó 13 ngày là ngày hoàng đạo.

Dương	Thứ	Âm	Can Chi ngày	Trực	H/h
1	CN	14	Bính Ngọ	Chấp	h
2	T2	15	Đinh Mùi	Phá	h
3	T3	16	Mậu Thân	Nguy	H
4	T4	17	Kỷ Dậu	Nguy	h
5	T5	18	Canh Tuất	Thành	H
6	T6	19	Tân Hợi	Thu	h
7	T7	20	Nhâm Tý	Khai	H
8	CN	21	Quý Sửu	Bế	H
9	T2	22	Giáp Dần	Kiến	h
10	T3	23	Ất Mão	Trừ	h
11	T4	24	Bính Thìn	Mãn	H
12	T5	25	Đinh Tỵ	Bình	H
13	T6	26	Mậu Ngọ	Định	h
14	T7	27	Kỷ Mùi	Chấp	H
15	CN	28	Canh Thân	Phá	h
16	T2	29	Tân Dậu	Nguy	h
17	T3	1/1	Nhâm Tuất	Thành	H
18	T4	2	Quý Hợi	Thu	h
19	T5	3	Giáp Tý	Khai	H
20	T6	4	Ất Sửu	Bế	H
21	T7	5	Bính Dần	Kiến	h
22	CN	6	Đinh Mão	Trừ	h
23	T2	7	Mậu Thìn	Mãn	H
24	T3	8	Kỷ Tỵ	Bình	H
25	T4	9	Canh Ngọ	Định	h
26	T5	10	Tân Mùi	Chấp	H
27	T6	11	Nhâm Thân	Phá	h
28	T7	12	Quý Dậu	Nguy	h

Tháng 3/2026

Tháng 3/2026 dương lịch có 31 ngày, trải qua tháng 1 âm lịch năm Bính Ngọ và tháng 2 âm lịch năm Bính Ngọ, trong đó 17 ngày là ngày hoàng đạo.

Dương	Thứ	Âm	Can Chi ngày	Trực	H/h
1	CN	13	Giáp Tuất	Thành	H
2	T2	14	Ất Hợi	Thu	h
3	T3	15	Bính Tý	Khai	H
4	T4	16	Đinh Sửu	Bế	H
5	T5	17	Mậu Dần	Bế	H
6	T6	18	Kỷ Mão	Kiến	H
7	T7	19	Canh Thìn	Trừ	h
8	CN	20	Tân Tỵ	Mãn	h
9	T2	21	Nhâm Ngọ	Bình	H
10	T3	22	Quý Mùi	Định	H
11	T4	23	Giáp Thân	Chấp	h
12	T5	24	Ất Dậu	Phá	H
13	T6	25	Bính Tuất	Nguy	h
14	T7	26	Đinh Hợi	Thành	h
15	CN	27	Mậu Tý	Thu	H
16	T2	28	Kỷ Sửu	Khai	h
17	T3	29	Canh Dần	Bế	H
18	T4	30	Tân Mão	Kiến	H
19	T5	1/2	Nhâm Thìn	Trừ	h
20	T6	2	Quý Tỵ	Mãn	h
21	T7	3	Giáp Ngọ	Bình	H
22	CN	4	Ất Mùi	Định	H
23	T2	5	Bính Thân	Chấp	h
24	T3	6	Đinh Dậu	Phá	H
25	T4	7	Mậu Tuất	Nguy	h
26	T5	8	Kỷ Hợi	Thành	h
27	T6	9	Canh Tý	Thu	H
28	T7	10	Tân Sửu	Khai	h
29	CN	11	Nhâm Dần	Bế	H
30	T2	12	Quý Mão	Kiến	H
31	T3	13	Giáp Thìn	Trừ	h

Tháng 4/2026

Tháng 4/2026 dương lịch có 30 ngày, trải qua tháng 2 âm lịch năm Bính Ngọ và tháng 3 âm lịch năm Bính Ngọ, trong đó 15 ngày là ngày hoàng đạo.

Dương	Thứ	Âm	Can Chi ngày	Trực	H/h
1	T4	14	Ất Tỵ	Mãn	h
2	T5	15	Bính Ngọ	Bình	H
3	T6	16	Đinh Mùi	Định	H
4	T7	17	Mậu Thân	Chấp	h
5	CN	18	Kỷ Dậu	Chấp	H
6	T2	19	Canh Tuất	Phá	h
7	T3	20	Tân Hợi	Nguy	H
8	T4	21	Nhâm Tý	Thành	h
9	T5	22	Quý Sửu	Thu	h
10	T6	23	Giáp Dần	Khai	H
11	T7	24	Ất Mão	Bế	h
12	CN	25	Bính Thìn	Kiến	H
13	T2	26	Đinh Tỵ	Trừ	H
14	T3	27	Mậu Ngọ	Mãn	h
15	T4	28	Kỷ Mùi	Bình	h
16	T5	29	Canh Thân	Định	H
17	T6	1/3	Tân Dậu	Chấp	H
18	T7	2	Nhâm Tuất	Phá	h
19	CN	3	Quý Hợi	Nguy	H
20	T2	4	Giáp Tý	Thành	h
21	T3	5	Ất Sửu	Thu	h
22	T4	6	Bính Dần	Khai	H
23	T5	7	Đinh Mão	Bế	h
24	T6	8	Mậu Thìn	Kiến	H
25	T7	9	Kỷ Tỵ	Trừ	H
26	CN	10	Canh Ngọ	Mãn	h
27	T2	11	Tân Mùi	Bình	h
28	T3	12	Nhâm Thân	Định	H
29	T4	13	Quý Dậu	Chấp	H
30	T5	14	Giáp Tuất	Phá	h

Tháng 5/2026

Tháng 5/2026 dương lịch có 31 ngày, trải qua tháng 3 âm lịch năm Bính Ngọ và tháng 4 âm lịch năm Bính Ngọ, trong đó 15 ngày là ngày hoàng đạo.

Dương	Thứ	Âm	Can Chi ngày	Trực	H/h
1	T6	15	Ất Hợi	Nguy	H
2	T7	16	Bính Tý	Thành	h
3	CN	17	Đinh Sửu	Thu	h
4	T2	18	Mậu Dần	Khai	H
5	T3	19	Kỷ Mão	Khai	h
6	T4	20	Canh Thìn	Bế	H
7	T5	21	Tân Tỵ	Kiến	h
8	T6	22	Nhâm Ngọ	Trừ	H
9	T7	23	Quý Mùi	Mãn	H
10	CN	24	Giáp Thân	Bình	h
11	T2	25	Ất Dậu	Định	h
12	T3	26	Bính Tuất	Chấp	H
13	T4	27	Đinh Hợi	Phá	H
14	T5	28	Mậu Tý	Nguy	h
15	T6	29	Kỷ Sửu	Thành	H
16	T7	30	Canh Dần	Thu	h
17	CN	1/4	Tân Mão	Khai	h
18	T2	2	Nhâm Thìn	Bế	H
19	T3	3	Quý Tỵ	Kiến	h
20	T4	4	Giáp Ngọ	Trừ	H
21	T5	5	Ất Mùi	Mãn	H
22	T6	6	Bính Thân	Bình	h
23	T7	7	Đinh Dậu	Định	h
24	CN	8	Mậu Tuất	Chấp	H
25	T2	9	Kỷ Hợi	Phá	H
26	T3	10	Canh Tý	Nguy	h
27	T4	11	Tân Sửu	Thành	H
28	T5	12	Nhâm Dần	Thu	h
29	T6	13	Quý Mão	Khai	h
30	T7	14	Giáp Thìn	Bế	H
31	CN	15	Ất Tỵ	Kiến	h

Tháng 6/2026

Tháng 6/2026 dương lịch có 30 ngày, trải qua tháng 4 âm lịch năm Bính Ngọ và tháng 5 âm lịch năm Bính Ngọ, trong đó 14 ngày là ngày hoàng đạo.

Dương	Thứ	Âm	Can Chi ngày	Trực	H/h
1	T2	16	Bính Ngọ	Trừ	H
2	T3	17	Đinh Mùi	Mãn	H
3	T4	18	Mậu Thân	Bình	h
4	T5	19	Kỷ Dậu	Định	h
5	T6	20	Canh Tuất	Định	h
6	T7	21	Tân Hợi	Chấp	h
7	CN	22	Nhâm Tý	Phá	H
8	T2	23	Quý Sửu	Nguy	H
9	T3	24	Giáp Dần	Thành	h
10	T4	25	Ất Mão	Thu	H
11	T5	26	Bính Thìn	Khai	h
12	T6	27	Đinh Tỵ	Bế	h
13	T7	28	Mậu Ngọ	Kiến	H
14	CN	29	Kỷ Mùi	Trừ	h
15	T2	1/5	Canh Thân	Mãn	H
16	T3	2	Tân Dậu	Bình	H
17	T4	3	Nhâm Tuất	Định	h
18	T5	4	Quý Hợi	Chấp	h
19	T6	5	Giáp Tý	Phá	H
20	T7	6	Ất Sửu	Nguy	H
21	CN	7	Bính Dần	Thành	h
22	T2	8	Đinh Mão	Thu	H
23	T3	9	Mậu Thìn	Khai	h
24	T4	10	Kỷ Tỵ	Bế	h
25	T5	11	Canh Ngọ	Kiến	H
26	T6	12	Tân Mùi	Trừ	h
27	T7	13	Nhâm Thân	Mãn	H
28	CN	14	Quý Dậu	Bình	H
29	T2	15	Giáp Tuất	Định	h
30	T3	16	Ất Hợi	Chấp	h

Tháng 7/2026

Tháng 7/2026 dương lịch có 31 ngày, trải qua tháng 5 âm lịch năm Bính Ngọ và tháng 6 âm lịch năm Bính Ngọ, trong đó 15 ngày là ngày hoàng đạo.

Dương	Thứ	Âm	Can Chi ngày	Trực	H/h
1	T4	17	Bính Tý	Phá	H
2	T5	18	Đinh Sửu	Nguy	H
3	T6	19	Mậu Dần	Thành	h
4	T7	20	Kỷ Mão	Thu	H
5	CN	21	Canh Thìn	Khai	h
6	T2	22	Tân Tỵ	Bế	h
7	T3	23	Nhâm Ngọ	Bế	h
8	T4	24	Quý Mùi	Kiến	h
9	T5	25	Giáp Thân	Trừ	H
10	T6	26	Ất Dậu	Mãn	h
11	T7	27	Bính Tuất	Bình	H
12	CN	28	Đinh Hợi	Định	H
13	T2	29	Mậu Tý	Chấp	h
14	T3	1/6	Kỷ Sửu	Phá	h
15	T4	2	Canh Dần	Nguy	H
16	T5	3	Tân Mão	Thành	H
17	T6	4	Nhâm Thìn	Thu	h
18	T7	5	Quý Tỵ	Khai	H
19	CN	6	Giáp Ngọ	Bế	h
20	T2	7	Ất Mùi	Kiến	h
21	T3	8	Bính Thân	Trừ	H
22	T4	9	Đinh Dậu	Mãn	h
23	T5	10	Mậu Tuất	Bình	H
24	T6	11	Kỷ Hợi	Định	H
25	T7	12	Canh Tý	Chấp	h
26	CN	13	Tân Sửu	Phá	h
27	T2	14	Nhâm Dần	Nguy	H
28	T3	15	Quý Mão	Thành	H
29	T4	16	Giáp Thìn	Thu	h
30	T5	17	Ất Tỵ	Khai	H
31	T6	18	Bính Ngọ	Bế	h

Tháng 8/2026

Tháng 8/2026 dương lịch có 31 ngày, trải qua tháng 6 âm lịch năm Bính Ngọ và tháng 7 âm lịch năm Bính Ngọ, trong đó 16 ngày là ngày hoàng đạo.

Dương	Thứ	Âm	Can Chi ngày	Trực	H/h
1	T7	19	Đinh Mùi	Kiến	h
2	CN	20	Mậu Thân	Trừ	H
3	T2	21	Kỷ Dậu	Mãn	h
4	T3	22	Canh Tuất	Bình	H
5	T4	23	Tân Hợi	Định	H
6	T5	24	Nhâm Tý	Chấp	h
7	T6	25	Quý Sửu	Chấp	H
8	T7	26	Giáp Dần	Phá	h
9	CN	27	Ất Mão	Nguy	h
10	T2	28	Bính Thìn	Thành	H
11	T3	29	Đinh Tỵ	Thu	H
12	T4	30	Mậu Ngọ	Khai	h
13	T5	1/7	Kỷ Mùi	Bế	H
14	T6	2	Canh Thân	Kiến	h
15	T7	3	Tân Dậu	Trừ	h
16	CN	4	Nhâm Tuất	Mãn	H
17	T2	5	Quý Hợi	Bình	h
18	T3	6	Giáp Tý	Định	H
19	T4	7	Ất Sửu	Chấp	H
20	T5	8	Bính Dần	Phá	h
21	T6	9	Đinh Mão	Nguy	h
22	T7	10	Mậu Thìn	Thành	H
23	CN	11	Kỷ Tỵ	Thu	H
24	T2	12	Canh Ngọ	Khai	h
25	T3	13	Tân Mùi	Bế	H
26	T4	14	Nhâm Thân	Kiến	h
27	T5	15	Quý Dậu	Trừ	h
28	T6	16	Giáp Tuất	Mãn	H
29	T7	17	Ất Hợi	Bình	h
30	CN	18	Bính Tý	Định	H
31	T2	19	Đinh Sửu	Chấp	H

Tháng 9/2026

Tháng 9/2026 dương lịch có 30 ngày, trải qua tháng 7 âm lịch năm Bính Ngọ và tháng 8 âm lịch năm Bính Ngọ, trong đó 15 ngày là ngày hoàng đạo.

Dương	Thứ	Âm	Can Chi ngày	Trực	H/h
1	T3	20	Mậu Dần	Phá	h
2	T4	21	Kỷ Mão	Nguy	h
3	T5	22	Canh Thìn	Thành	H
4	T6	23	Tân Tỵ	Thu	H
5	T7	24	Nhâm Ngọ	Khai	h
6	CN	25	Quý Mùi	Bế	H
7	T2	26	Giáp Thân	Bế	h
8	T3	27	Ất Dậu	Kiến	H
9	T4	28	Bính Tuất	Trừ	h
10	T5	29	Đinh Hợi	Mãn	h
11	T6	1/8	Mậu Tý	Bình	H
12	T7	2	Kỷ Sửu	Định	h
13	CN	3	Canh Dần	Chấp	H
14	T2	4	Tân Mão	Phá	H
15	T3	5	Nhâm Thìn	Nguy	h
16	T4	6	Quý Tỵ	Thành	h
17	T5	7	Giáp Ngọ	Thu	H
18	T6	8	Ất Mùi	Khai	H
19	T7	9	Bính Thân	Bế	h
20	CN	10	Đinh Dậu	Kiến	H
21	T2	11	Mậu Tuất	Trừ	h
22	T3	12	Kỷ Hợi	Mãn	h
23	T4	13	Canh Tý	Bình	H
24	T5	14	Tân Sửu	Định	h
25	T6	15	Nhâm Dần	Chấp	H
26	T7	16	Quý Mão	Phá	H
27	CN	17	Giáp Thìn	Nguy	h
28	T2	18	Ất Tỵ	Thành	h
29	T3	19	Bính Ngọ	Thu	H
30	T4	20	Đinh Mùi	Khai	H

Tháng 10/2026

Tháng 10/2026 dương lịch có 31 ngày, trải qua tháng 8 âm lịch năm Bính Ngọ và tháng 9 âm lịch năm Bính Ngọ, trong đó 15 ngày là ngày hoàng đạo.

Dương	Thứ	Âm	Can Chi ngày	Trực	H/h
1	T5	21	Mậu Thân	Bế	h
2	T6	22	Kỷ Dậu	Kiến	H
3	T7	23	Canh Tuất	Trừ	h
4	CN	24	Tân Hợi	Mãn	h
5	T2	25	Nhâm Tý	Bình	H
6	T3	26	Quý Sửu	Định	h
7	T4	27	Giáp Dần	Chấp	H
8	T5	28	Ất Mão	Chấp	h
9	T6	29	Bính Thìn	Phá	H
10	T7	1/9	Đinh Tỵ	Nguy	H
11	CN	2	Mậu Ngọ	Thành	h
12	T2	3	Kỷ Mùi	Thu	h
13	T3	4	Canh Thân	Khai	H
14	T4	5	Tân Dậu	Bế	H
15	T5	6	Nhâm Tuất	Kiến	h
16	T6	7	Quý Hợi	Trừ	H
17	T7	8	Giáp Tý	Mãn	h
18	CN	9	Ất Sửu	Bình	h
19	T2	10	Bính Dần	Định	H
20	T3	11	Đinh Mão	Chấp	h
21	T4	12	Mậu Thìn	Phá	H
22	T5	13	Kỷ Tỵ	Nguy	H
23	T6	14	Canh Ngọ	Thành	h
24	T7	15	Tân Mùi	Thu	h
25	CN	16	Nhâm Thân	Khai	H
26	T2	17	Quý Dậu	Bế	H
27	T3	18	Giáp Tuất	Kiến	h
28	T4	19	Ất Hợi	Trừ	H
29	T5	20	Bính Tý	Mãn	h
30	T6	21	Đinh Sửu	Bình	h
31	T7	22	Mậu Dần	Định	H

Tháng 11/2026

Tháng 11/2026 dương lịch có 30 ngày, trải qua tháng 9 âm lịch năm Bính Ngọ và tháng 10 âm lịch năm Bính Ngọ, trong đó 15 ngày là ngày hoàng đạo.

Dương	Thứ	Âm	Can Chi ngày	Trực	H/h
1	CN	23	Kỷ Mão	Chấp	h
2	T2	24	Canh Thìn	Phá	H
3	T3	25	Tân Tỵ	Nguy	H
4	T4	26	Nhâm Ngọ	Thành	h
5	T5	27	Quý Mùi	Thu	h
6	T6	28	Giáp Thân	Khai	H
7	T7	29	Ất Dậu	Khai	h
8	CN	30	Bính Tuất	Bế	H
9	T2	1/10	Đinh Hợi	Kiến	H
10	T3	2	Mậu Tý	Trừ	h
11	T4	3	Kỷ Sửu	Mãn	H
12	T5	4	Canh Dần	Bình	h
13	T6	5	Tân Mão	Định	h
14	T7	6	Nhâm Thìn	Chấp	H
15	CN	7	Quý Tỵ	Phá	h
16	T2	8	Giáp Ngọ	Nguy	H
17	T3	9	Ất Mùi	Thành	H
18	T4	10	Bính Thân	Thu	h
19	T5	11	Đinh Dậu	Khai	h
20	T6	12	Mậu Tuất	Bế	H
21	T7	13	Kỷ Hợi	Kiến	H
22	CN	14	Canh Tý	Trừ	h
23	T2	15	Tân Sửu	Mãn	H
24	T3	16	Nhâm Dần	Bình	h
25	T4	17	Quý Mão	Định	h
26	T5	18	Giáp Thìn	Chấp	H
27	T6	19	Ất Tỵ	Phá	h
28	T7	20	Bính Ngọ	Nguy	H
29	CN	21	Đinh Mùi	Thành	H
30	T2	22	Mậu Thân	Thu	h

Tháng 12/2026

Tháng 12/2026 dương lịch có 31 ngày, trải qua tháng 10 âm lịch năm Bính Ngọ và tháng 11 âm lịch năm Bính Ngọ, trong đó 16 ngày là ngày hoàng đạo.

Dương	Thứ	Âm	Can Chi ngày	Trực	H/h
1	T3	23	Kỷ Dậu	Khai	h
2	T4	24	Canh Tuất	Bế	H
3	T5	25	Tân Hợi	Kiến	H
4	T6	26	Nhâm Tý	Trừ	h
5	T7	27	Quý Sửu	Mãn	H
6	CN	28	Giáp Dần	Bình	h
7	T2	29	Ất Mão	Bình	H
8	T3	30	Bính Thìn	Định	h
9	T4	1/11	Đinh Tỵ	Chấp	h
10	T5	2	Mậu Ngọ	Phá	H
11	T6	3	Kỷ Mùi	Nguy	h
12	T7	4	Canh Thân	Thành	H
13	CN	5	Tân Dậu	Thu	H
14	T2	6	Nhâm Tuất	Khai	h
15	T3	7	Quý Hợi	Bế	h
16	T4	8	Giáp Tý	Kiến	H
17	T5	9	Ất Sửu	Trừ	H
18	T6	10	Bính Dần	Mãn	h
19	T7	11	Đinh Mão	Bình	H
20	CN	12	Mậu Thìn	Định	h
21	T2	13	Kỷ Tỵ	Chấp	h
22	T3	14	Canh Ngọ	Phá	H
23	T4	15	Tân Mùi	Nguy	h
24	T5	16	Nhâm Thân	Thành	H
25	T6	17	Quý Dậu	Thu	H
26	T7	18	Giáp Tuất	Khai	h
27	CN	19	Ất Hợi	Bế	h
28	T2	20	Bính Tý	Kiến	H
29	T3	21	Đinh Sửu	Trừ	H
30	T4	22	Mậu Dần	Mãn	h
31	T5	23	Kỷ Mão	Bình	H

Ngày lễ tết âm lịch và dương lịch năm 2026

Dịp lễ	Âm lịch	Dương lịch	Thứ
Tết Dương lịch	ngày 13 tháng 11	1/1	Thứ Năm
Ông Công Ông Táo	ngày 23 tháng Chạp	10/2	Thứ Ba
Tất niên và Giao thừa	ngày 29 tháng Chạp	16/2	Thứ Hai
Tết Nguyên Đán	mùng 1 tháng Giêng	17/2	Thứ Ba
Ngày vía Thần Tài	mùng 10 tháng Giêng	26/2	Thứ Năm
Rằm tháng Giêng	ngày 15 tháng Giêng	3/3	Thứ Ba
Tết Thanh minh	ngày 18 tháng 2	5/4	Chủ nhật
Tết Hàn Thực	mùng 3 tháng Ba	19/4	Chủ nhật
Giỗ Tổ Hùng Vương	mùng 10 tháng Ba	26/4	Chủ nhật
Ngày Giải phóng miền Nam 30/4	ngày 14 tháng 3	30/4	Thứ Năm
Lễ Phật Đản	rằm tháng Tư	31/5	Chủ nhật
Tết Đoan Ngọ	mùng 5 tháng Năm	19/6	Thứ Sáu
Thất tịch	mùng 7 tháng Bảy	19/8	Thứ Tư
Vu Lan và Rằm tháng Bảy	ngày 15 tháng Bảy	27/8	Thứ Năm
Quốc khánh 2/9	ngày 21 tháng 7	2/9	Thứ Tư
Tết Trung Thu	ngày 15 tháng Tám	25/9	Thứ Sáu
Ngày Văn hóa Việt Nam 24/11	ngày 16 tháng 10	24/11	Thứ Ba

Nguồn tra cứu

Ngày âm lịch tính từ thời điểm sóc và trung khí quy về giờ Việt Nam UTC+7 theo Hồ Ngọc Đức (thuật toán lịch âm Việt Nam, bản mô tả quy tắc), không tra bảng có sẵn. Kết luận hoàng đạo, hắc đạo và trực suy từ Can Chi ngày theo Hiệp Kỷ Biện Phương Thư (bản chép Tứ khố toàn thư), quyển 7 tr. 16–17; quyển 4 tr. 8 và Ngọc Hạp Thông Thư (bản khắc Quảng Thịnh Đường, 1920), tẩm 034. Đây là tập tục tham khảo, không phải lời khuyên; site không xem tử vi và không bói toán. Bản đầy đủ kèm giới hạn dữ liệu ở <https://lichvang.com/nguon-goc-cach-tinh>.